

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT
 Số: 770 /BC-ĐHL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Huế, ngày 27 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **NĂM 2026**

*(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Trường:

Tiếng Việt: Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

Tiếng Anh: University of Law, Hue University.

2. Thông tin liên hệ:

Địa chỉ Trường: Số 20 đường Võ Văn Kiệt, phường An Cựu, thành phố Huế.

Điện thoại: 02343. 821135.

Số fax: 02343. 935299.

E-mail: law@hul.edu.vn

Website: hul.edu.vn

3. Loại hình Trường đào tạo: Công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, Giá trị cốt lõi của Trường Đại học Luật

Trường Đại học Luật, Đại học Huế đã ban hành sứ mạng, giá trị cốt lõi, tầm nhìn đến năm 2030 và các cam kết đào tạo của Trường theo Quyết định 85/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2015; sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 338/QĐ-ĐHL ngày 25/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Huế, cụ thể:

Sứ mạng: Trường Đại học Luật, Đại học Huế là cơ sở đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, phục vụ cộng đồng về lĩnh vực pháp luật; cung cấp nguồn nhân lực, sản phẩm KHCN có chất lượng cao, tư vấn chính sách pháp luật đáp ứng nhu cầu phát triển của cả nước và khu vực.

Tầm nhìn: Đến năm 2030 là cơ sở giáo dục đại học về lĩnh vực pháp luật trọng điểm trong cả nước và uy tín trong khu vực.

Giá trị cốt lõi: Tư duy - Sáng tạo - Trách nhiệm.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Trường Đại học Luật:

Trường Đại học Luật, Đại học Huế được thành lập theo Quyết định số 274/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 03/3/2015 trên cơ sở nâng cấp Khoa Luật trực thuộc ĐHH để đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực pháp lý có chất lượng, phục vụ phát triển KT-XH

khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và cả nước.

Tiền thân của Trường Đại học Luật là Luật Khoa thuộc Viện ĐHH thành lập từ năm 1957. Năm 1975, khi đất nước hoàn toàn thống nhất, Luật Khoa thuộc Viện ĐHH hoàn thành nhiệm vụ đào tạo. Ngày 19/11/1990, Hiệu trưởng Trường Đại học Tổng hợp Huế (nay là Trường Đại học Khoa học) ban hành Quyết định số 304/TCCB thành lập Tổ Pháp lý, sau đó đổi tên thành Bộ môn Pháp lý. Đến ngày 26/01/2000, Giám đốc ĐHH ban hành Quyết định số 20/QĐ-ĐHH-TCNS thành lập Khoa Luật thuộc trường ĐHKH trên cơ sở nâng cấp Bộ môn Pháp lý, trở thành một địa chỉ tin cậy và nòng cốt trong việc đào tạo nguồn nhân lực pháp lý cho khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Ngày 19/8/2009, Giám đốc ĐHH ban hành Quyết định số 868/QĐ-ĐHH-TCNS thành lập Khoa Luật trực thuộc ĐHH nhằm tăng tính độc lập và tự chủ của Khoa trong việc đào tạo nguồn nhân lực pháp lý đáp ứng kịp thời và hiệu quả công cuộc phát triển KT-XH của khu vực và cả nước.

- Từ ngày 01/01/2013 đến hết ngày 14/5/2014: Khoa Luật trực thuộc Đại học Huế, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng. Cơ cấu tổ chức có 03 phòng chức năng (phòng TC - HC, phòng Đào tạo - CTSV, phòng KHCN-MT-HTQT) và 04 bộ môn (Bộ môn Luật Dân sự, Bộ môn Luật Hình sự, Bộ môn Luật Kinh tế Quốc tế, Bộ môn Luật Hành chính Nhà nước).

- Từ 15/9/2014 đến 03/3/2015: Theo Thông tư 08/2014/TT – BGDDT về quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục Đại học thành viên thì Khoa trực thuộc không có tư cách pháp nhân, không có con dấu. Cơ chế pháp lý như một khoa trực thuộc trường đại học. Các phòng chuyển thành các Tổ thuộc Khoa. Phó Giám đốc ĐHH là chủ tài khoản của Khoa và Trưởng Khoa chỉ được ký theo ủy quyền theo văn bản và được quyết định mức chi tài chính dưới 50 triệu đồng.

- Từ ngày 03/3/2015: Trường Đại học Luật, Đại học Huế trở thành trường thành viên thuộc ĐHH. Trường ĐHL hoạt động theo Điều lệ trường đại học, Luật Giáo dục đại học 2012, sửa đổi bổ sung năm 2018, Thông tư 10/2020/TT- BGDDT.

Hiện nay, Trường Đại học Luật có 6 phòng chức năng (Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Kế hoạch – Tài chính, Phòng KHCN và Hợp tác quốc tế, Phòng ĐT, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục, Phòng Công tác sinh viên); 5 khoa chuyên môn (Khoa Luật Hành chính, Khoa Luật Hình sự, Khoa Luật Dân sự, Khoa Luật Kinh tế, Khoa Luật Quốc tế) và 3 trung tâm nghiên cứu, phục vụ đào tạo (Trung tâm Tư vấn pháp luật – Đào tạo ngắn hạn; Trung tâm Thực hành Luật và Khởi nghiệp; Trung tâm Thông tin - Thư viện).

Trường Đại học Luật, Đại học Huế thực hiện đào tạo 2 mã ngành đại học (ngành Luật, ngành Luật Kinh tế); 02 mã ngành thạc sĩ (Luật Kinh tế, Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật); 01 mã ngành tiến sĩ Luật Kinh tế.

6. Người đại diện pháp luật của Trường:

Họ và tên: PGS. TS. Đoàn Đức Lương.

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: 20 Võ Văn Kiệt, phường An Cựu thành phố Huế.

Điện thoại: 0913.426485

Email: luongdd@hul.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của Nhà trường:

- Quyết định thành lập Trường: Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 03/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của Nhà trường:

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định 1009/QĐ-ĐHH ngày 30/6/2026 của Giám đốc Đại học Huế về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Huế

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Quyết định 1036/QĐ-ĐHH ngày 30/6/2026 của Giám đốc Đại học Huế về việc bổ nhiệm TS. Nguyễn Hồng Sơn giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Quyết định 1020/QĐ-ĐHH ngày 30/6/2026 của Giám đốc Đại học Huế về việc bổ nhiệm TS. Nguyễn Sơn Hà giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

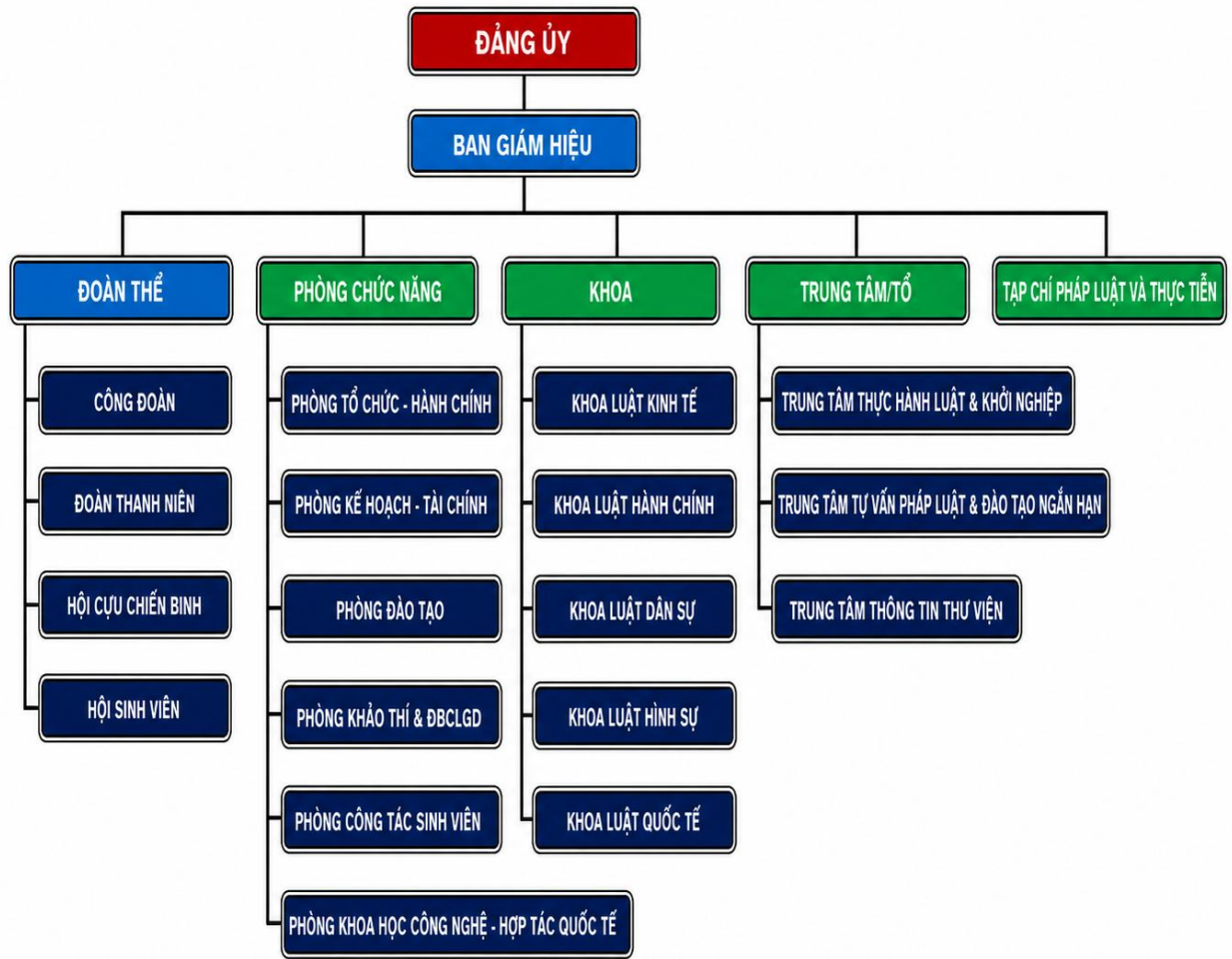
d) Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà trường và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên; sơ đồ tổ chức bộ máy của Nhà trường:

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật: Nghị quyết 14/NQ-HĐT ngày 09/9/2021 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

- Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc: Nghị quyết 02/NQ-HĐT ngày 06/01/2022 về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa Hội đồng Trường – Đảng ủy – Hiệu trưởng và các đơn vị, tổ chức đoàn thể Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

- Quyết định số 949/QĐ-ĐHL ngày 28/12/2022 của Hiệu trưởng về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và phối hợp quản lý, điều hành của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của Nhà trường:



e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo Nhà trường và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của Nhà trường

T T	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban Giám hiệu						
1	Ban Giám hiệu	Đoàn Đức Lương	1969	PGS.TS, Hiệu trưởng	0913426485	luongdd@hul.edu.vn
2	Ban Giám hiệu	Nguyễn Hồng Sơn	1976	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	0913425456	sonnh@hul.edu.vn
3	Ban Giám hiệu	Nguyễn Sơn Hà	1986	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	0905953768	hans@hul.edu.vn
Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
4	Đảng ủy	Đoàn Đức Lương	1969	PGS.TS,	0913426485	luongdd@hul.edu.vn

T T	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
				Bí thư		
5	Đoàn Thanh niên	Huỳnh Tây	1993	Thạc sĩ, Bí thư	0973953052	tayh@hul.edu.vn
6	Hội sinh viên	Nguyễn Thanh Bình	1996	Thạc sĩ, Chủ tịch	0387066504	binhnt@hul.edu.vn
7	Công Đoàn	Trần Văn Hải	1985	Tiến sĩ, Chủ tịch	0914078246	haitv@hul.edu.vn
8	Hội Cựu Chiến binh	Nguyễn Trung Kiên	1974	ThS, Chủ tịch	0914202735	kiennt@hul.edu.vn
Các phòng, ban						
9	TC-HC	Cao Đình Lành	1973	PGS. TS, Trưởng phòng	0914002427	lanhcd@hul.edu.vn
10	CTSV	Nguyễn Trung Kiên	1974	ThS, Trưởng phòng	0914202735	kiennt@hul.edu.vn
11	KH-TC	Nguyễn Tài Năng	1978	Tiến sĩ, Trưởng phòng	0972915599	nangnt@hul.edu.vn
12	KHCN- HTQT	Đào Mộng Điệp	1976	PGS. TS, Trưởng phòng	0916977567	diepdm@hul.edu.vn
13	ĐT	Trần Viết Long	1986	PGS. TS, Trưởng phòng	0932499985	longtv@hul.edu.vn
14	KT& BĐCLGD	Vũ Thị Hương	1985	Tiến sĩ, Phụ trách phòng	0906444272	huongvt@hul.edu.vn
Khoa, trung tâm						
15	Khoa Luật Hành chính	Lý Nam Hải	1987	Tiến sĩ, Trưởng khoa	0984103667	hailn@hul.edu.vn
16	Khoa Luật Quốc tế	Nguyễn Thị Hồng Trinh	1983	PGS. TS, Trưởng khoa	0905780320	trinhnth@hul.edu.vn
17	Khoa Luật Dân sự	Hoàng Thị Hải Yến	1978	Tiến sĩ, Trưởng khoa	0935849819	yennth@hul.edu.vn
18	Khoa Luật Hình sự	Nguyễn Ngọc Kiện	1978	PGS. TS, Trưởng khoa	0971634545	kiennn@hul.edu.vn
19	Khoa Luật Kinh tế	Nguyễn Thanh Tùng	1987	Tiến sĩ, Trưởng khoa	0913659455	tungnt@hul.edu.vn
20	Trung tâm	Lê Thị Thảo	1976	Tiến sĩ,	0905026623	thaolt@hul.edu.vn

T T	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	THL-KN			Giám đốc		
21	TT.TVPL và ĐTNH	Nguyễn Ngọc Huy	1990	Thạc sĩ, Phó giám đốc	0913421866	ngoclth@hul.edu.vn
22	TT TT Thư viện	Ngô Minh Tiến	1987	Thạc sĩ, Giám đốc	0903516887	tiennm@hul.edu.vn

8. Các văn bản khác của Nhà trường:

- Chiến lược phát triển Trường: Nghị quyết 01/NQ-HĐT của Chủ tịch Hội đồng Trường về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học luật giai đoạn 2023-2030, tầm nhìn 2040.

- Chiến lược phát triển nguồn nhân lực: Nghị quyết 19/NQ-HĐT ngày 15/10/2024 của Chủ tịch Hội đồng Trường về việc ban hành Chiến lược phát triển nguồn nhân lực Trường Đại học Luật, Đại học Huế giai đoạn 2024-2030.

- Quy chế dân chủ: Nghị quyết số 03/QĐ-HĐT ngày 12/01/2022 của Chủ tịch Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường Đại học Luật, Đại học Huế.

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	2025	2024
1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	39,47	37,23
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	97,61%	98,21%
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	24,4%	20,63%

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	209	12	146	47	4	0
	Lĩnh vực pháp luật	209	12	146	47	4	0
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	178	11	122	41	4	0
	Lĩnh vực pháp luật	178	11	122	41	4	0

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	2025	2024
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	09	09
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	36	37
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	21.5	20.6

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m2)	Từ năm 2030 mới tính	
2	Diện tích sàn/người học (m2)	73,4	7,84
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	79,4%	72,9%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	185,5	203,2
5	Số bản sách/người học	54,2	50,3
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	100%	47,06%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	111,1	144,4

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	20 Võ Văn Kiệt, phường An Cựu, thành phố Huế	109.900	80.148
2	Cơ sở	0	0	0
3	Phân hiệu	0	0	0
Tổng cộng			109.900	80.148

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới tòa nhà	0	0
2	Nâng cấp phòng học, trang thiết bị	Trường DHL	5979
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm...	0	0
4	Nâng cấp phòng thực hành luật	Trường DHL	1960
Tổng cộng			0

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

Kiểm định cơ sở giáo dục chu kỳ 1:

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU- CEA).

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Mức độ đạt kiểm định: 80,3%

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Kiểm định cơ sở giáo dục chu kỳ 2:

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long (CEA-THANGLONG).

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành. 1

- Mức độ đạt kiểm định: điểm trung bình của các lĩnh vực đạt được như sau:

+ Lĩnh vực BDCL về chiến lược: 3.95.

+ Lĩnh vực BDCL về hệ thống: 4.08.

+ Lĩnh vực BDCL về thực hiện chức năng: 4.03.

+ Lĩnh vực BDCLG về Kết quả hoạt động: 3.79

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 11 tháng 01 năm 2024 đến ngày 11 tháng 01 năm 2029.

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7380101	Ngành Luật	Chương trình đào tạo đại học chính quy ngành Luật	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội	Từ 30/3/2022 → 30/03/2027
2	7380107	Ngành Luật Kinh tế	Chương trình đào tạo đại học chính quy	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	Từ 30/3/2022 → 30/03/2027

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
			ngành Luật Kinh tế	dục - Đại học Quốc gia Hà Nội	
3	8380107	Ngành Luật Kinh tế	Chương trình đào tạo Thạc sĩ Luật Kinh tế theo định hướng nghiên cứu	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long	Từ 01/10/2025 → 01/10/2030
4	8380107	Ngành Luật Kinh tế	Chương trình đào tạo Thạc sĩ Luật Kinh tế theo định hướng ứng dụng	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long	Từ 01/10/2025 → 01/10/2030
5	9380107	Ngành Luật Kinh tế	Chương trình đào tạo Tiến sĩ Luật Kinh tế	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long	Từ 01/10/2025 → 01/10/2030

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	2025	2024
1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	94.6%	97.8%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	35.4%	37,6%
3	Tỉ lệ thôi học	7.7%	7,64%
4	Tỉ lệ thôi học năm đầu	10.7%	5,24%
5	Tỉ lệ tốt nghiệp	97.8%	94,2%
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	93.4%	93%
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	95.5%	95,4%
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	94.7%	93,7%
9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	87.2%	93,7%

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
I	Đại học	7356	2010	2030	87.2
1	Ngành Luật	3508	1235	1660	
	Chính quy	2568	1004	1118	
	Vừa làm vừa học	940	231	542	

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
2	Ngành Luật Kinh tế	2908	775	370	
	Chính quy	2908	775	370	
	Vừa làm vừa học	0	0	0	
II	Thạc sĩ	636	258	303	92.1
1	Luật Kinh tế	636	258	303	
III	Tiến sĩ	109	45	0	100
	Luật Kinh tế	109	45	0	

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	2025	2024
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	1.3	0.7
2	Số công bố khoa học/giảng viên	0.87	0.85
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	0.3	0.001

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm (triệu đồng)
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	1	200
3	Đề tài cấp cơ sở	24	1534
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	0
5	Đề tài hợp tác quốc tế	0	0
	Tổng số	25	1734

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	2025	2024
1	Tổng số bài báo khoa học được HDGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	101	36
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	45	5
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc	18	10

TT	Công trình công bố	2025	2024
	gia, quốc tế		
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	158	91

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	2025	2024
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	21.16%	22.3%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	3.33%	5.8%

2. Kết quả thu chi hoạt động

TT	Chỉ số thống kê	2025	2024
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	141.26	127.06
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	0	
II	Thu giáo dục và đào tạo	134.55	118.9
1	Học phí, lệ phí từ người học	134.5	118.5
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	98.9
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
4	Thu khác	0.15	0.49
III	Thu khoa học và công nghệ	1.78	0.57
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	0
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
3	Thu khác	1.78	0.57
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	4.63	7.5
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	110.25	99.05
I	Chi lương, thu nhập	38.56	28.15
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	27.73	19.76
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	10.83	8.39
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	51.73	55.81
1	Chi cho đào tạo	32.54	35.86
2	Chi cho nghiên cứu	12.36	4.29
3	Chi cho phát triển đội ngũ	1.06	1.08
4	Chi phí chung và chi khác	5.77	16.88

TT	Chỉ số thống kê	2025	2024
III	Chi hỗ trợ người học	15.33	12.79
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	6.3	7.62
2	Chi hoạt động nghiên cứu	4.13	3.92
3	Chi hoạt động khác	4.9	1.25
IV	Chi khác	4.63	0
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	30.81	28.01

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, BĐCLGD.

HIỆU TRƯỞNG**Đoàn Đức Lương**